

Bản án số: 02/2022/HS-ST

Ngày 05/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH G

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đăng Anh Việt.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Lê Khả Hòa

+ Bà Lê Thị Cần

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Chinh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát V.

Ngày 05 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2021/HSST, ngày 05 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2021/QĐXXST-HS, ngày 03 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn C; tên gọi khác: Gầy, sinh ngày 17/3/2005 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 4 tháng 24 ngày) tại: huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: không có; trình Đ văn hoá: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Công, sinh năm, 1985 và bà Mai Thị T, sinh năm 1984. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 18/8/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn C: Bà Mai Thị T, sinh năm 1984; trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh G (là mẹ ruột của bị cáo C). Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C: Ông Vũ Quang Khải - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung T trợ giúp pháp lý tỉnh G. Có mặt.

2. Trần U' Đ; tên gọi khác: Không, sinh ngày 12/9/2003 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 10 tháng 29 ngày) tại: huyện Đ, tỉnh G.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: học sinh; trình Đ văn hoá: 11/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đắc Toàn, sinh năm 1973 và bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1977. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/8/2021 đến ngày 18/8/2021 được thay đổi biện pháp biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Hữu U'; tên gọi khác: Không, sinh ngày 22/10/2003 (đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 9 tháng 19 ngày) tại: huyện Đ, tỉnh G.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 3, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh G; nghề nghiệp: lao Đng tự do; trình Đ văn hoá: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Định, sinh năm 1980 và bà Đỗ Thị Thu L, sinh năm 1985. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/8/2021 đến ngày 18/8/2021 được thay đổi biện pháp biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Hồ Quang Nam T, sinh năm 2004.

Trú tại: Thôn Ia Mút, xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại Hồ Quang Nam T là: Ông Lê Văn V, sinh năm 1974 (là cha dượng của anh T)

Trú tại: Thôn Ia Mút, xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Lê Văn V, sinh năm 1974.

Trú tại: Thôn Ia Mút, xã Ia Dom, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

+ Anh Phạm Ngọc Đ1, sinh năm 1991. Vắng mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh G.

+ Bà Đỗ Thị Thu L, sinh năm 1985 (Mẹ ruột bị cáo U'). Có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 3, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh G.

+ Bà Phan Thị Thu H, sinh năm 1977 (Mẹ ruột bị cáo Đ). Có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh G.

+ Bà Mai Thị T, sinh năm 1984 (Mẹ ruột bị cáo C). Có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh G

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ 30 ngày 11/8/2021, Nguyễn Văn C đi bộ từ nhà thuộc tổ dân phố 2, thị trấn T xuống khu vực Công V Đ để chơi thì phát hiện 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS: 82B1- 470.21 của anh Hồ Quang Nam T, trú tại: Thôn Ia Mút, xã Ia Dom, huyện Đ đang dựng ở vỉa hè Công V Đ (đối diện Trường tiểu học Võ Thị Sáu) không có người trông coi nên C nảy sinh ý định chiếm đoạt và nhắn tin cho Trần Ư Đ để hỏi cách mở khóa, đấu nối dây điện, Đ nhắn tin lại nhưng C không hiểu nên nhờ Đ chạy trực tiếp xuống vị trí xe mô tô Honda Wave RSX để hướng dẫn C. Khi xuống tới nơi, Đ nói với C “đạo này Công an làm gắt lắm về nhà anh uống nước đã”, Đ chở C về hướng nhà Đ ở tổ dân phố 2, thị trấn T. Trên đường đi về, Đ và C gặp Nguyễn Hữu Ư đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus, BKS: 81U1-044.32, Ư hỏi: “Chúng mày đi đâu đấy, đi dắt xe phải không”, thì C nói: “em đang tia con xe ở dưới công V” (Ư hiểu C nói muốn trộm xe mô tô vì trước đó C có nói với Ư sẽ trộm xe mô tô để có phương tiện đi lại), Ư hỏi chỗ nào thì cả ba quay xe lại đi đến vị trí để chiếc xe mô tô Honda Wave RSX. Khi đến nơi, C chỉ chiếc xe mô tô cho Ư, Ư nói “lấy đi”, rồi C quay lại hỏi Đ cách cắt và đấu nối dây điện, rồi cả ba dùng bật lửa để đốt dây điện để đấu vào nhau nhằm khởi Động xe nhưng chưa được, thì Đ về trước, còn Ư và C vẫn tiếp tục đấu nối đến khi chiếc xe mô tô Honda Wave RSX nổ máy. Sau đó, C điều khiển xe mô tô đi cất giấu tại khu vực lô cao su thuộc tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện Đ, rồi C và Ư đến nhà Đ hỏi mượn bộ dụng cụ sửa xe gồm 01 tua vít, 01 cờ lê, 01 khóa T10 để mở tháo các bộ phận của xe nhằm thay đổi đặc điểm nhận dạng của chiếc xe. Khi mượn bộ dụng cụ xong, Ư và C quay lại vị trí cất giấu mở biển số xe bỏ trong cốp, tháo phần vỏ nhựa của xe bỏ trong lô cao su. Sau đó, C điều khiển xe của Ư, còn Ư điều khiển xe vừa trộm cắp đi tìm chỗ cất giấu nhưng gặp Công an đang đi tuần tra nên Ư và C bỏ chạy. Ngày 12/8/2021, C đến Cơ quan Công an đầu thú.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu Ư và Trần Ư Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết luận định giá tài sản số 27/KL-HĐ ngày 16/8/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Đ, kết luận: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, dung tích 109, màu sơn đen xanh, BKS: 82B1-470.21, số máy: JA38E0016005, số khung: 3803GY004871, được mua

mới vào tháng 01/2017, đã qua sử dụng. Trị giá là 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra vụ án, trong đơn xin xét xử vắng mặt và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự.

Tại bản Cáo trạng số: 40/CT-VKS, ngày 03/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu U', Nguyễn Văn C và Trần U' Đ về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Kiểm sát V thực hành quyền công tố đề nghị:

- **Về tội danh:** Đề nghị tuyên bố:

Các bị cáo Nguyễn Hữu U', Nguyễn Văn C và Trần U' Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017

- **Về mức hình phạt:** Áp dụng:

+ khoản 1 Điều 173; các Điều 17, 38, 50, 58, 90, 91, 101; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn C.

+ khoản 1 Điều 173; các Điều 17, 38, 50, 58, 90, 91, 101; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Hữu U'.

+ khoản 1 Điều 173; các Điều 17, 50, 54, 58, 65, 90, 91, 101; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần U' Đ.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C: Từ 08 (tám) tháng tù đến 10 (mười) tháng tù.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu U': Từ 06 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) tháng tù.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần U' Đ: Từ 04 (bốn) tháng tù đến 06 (sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án.

- **Về xử lý vật chứng của vụ án:** Đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định pháp luật.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra, các bị cáo đã bồi thường cho bị hại tiền sửa chữa xe mô tô và tiền để khắc phục hậu quả trong những ngày bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn V không có phương tiện đi lại, tổng cộng là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Bị hại và ông Lê

Văn V sau khi nhận được tiền, không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo, vì vậy không đề cập đến.

Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Hữu U', Nguyễn Văn C và Trần U' Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ý kiến của bị hại: Tại phiên tòa bị hại và người đại diện hợp pháp vắng mặt, vì vậy không có ý kiến.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Không có ý kiến và yêu cầu gì.

Ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C:

Về tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, vì vậy không có ý kiến.

Bị cáo Nguyễn Văn C là người chưa thành niên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự cho bị cáo C được hưởng án treo.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 19 giờ 30, ngày 11/8/2021, tại khu vực Công V Đ thuộc tổ dân phố 2, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh G, Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu U' và Trần U' Đ đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS: 82B1- 470.21 của anh Hồ Quang Nam T. Trị giá tài sản là: 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng).

[2] Lời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu U' và Trần U' Đ trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng.

[3] Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản với giá trị là 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng) của các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu U' và Trần U' Đ đã phạm vào tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Cáo trạng số: 40/CT-VKS, ngày 03/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đến tài sản của người khác đều bị xử lý nghiêm minh theo

quy định của pháp luật. Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu U' và Trần U' Đ tuổi còn trẻ, có sức khỏe nhưng lười nhác lao Đng, các bị cáo nhận thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng để thoả mãn nhu cầu tiêu xài cá nhân, các bị cáo bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự xem thường pháp luật, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Vì vậy, xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo rèn luyện, sửa chữa bản thân đồng thời bảo đảm được tác dụng giáo dục và phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Đây là vụ án đồng phạm có tính chất giản đơn, Nguyễn Văn C là người phát hiện tài sản và nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, sau đó C rủ rê Trần U' Đ và Nguyễn Hữu U' cùng thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giúp sức. Bị cáo Đ đang đấu nối dây điện để nổ máy xe mô tô nhưng không được nên Đ bỏ về. Các bị cáo C, U' tiếp tục đấu nối dây điện cho đến khi nổ máy xe và chiếm đoạt. Vì vậy, các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra, bị cáo Đ thuộc trường hợp phạm tội chưa Đ1, các bị cáo C, U' phạm tội đến cùng.

[6] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu U' và Trần U' Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo là người dưới 18 tuổi. Sau khi phạm tội, bị cáo C đã ra đầu thú. Vì vậy, cần áp dụng các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và các quy định tại Chương XII của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho các bị cáo là phù hợp.

[7] Đối với ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn C: Hội đồng xét xử chấp nhận về tội danh và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà Luật sư đã đề nghị áp dụng cho bị cáo C.

[8] Đối với anh Phạm Ngọc Đ1, trú tại: tổ dân phố 3, thị trấn T, huyện Đ, tỉnh G là chủ sở hữu xe mô tô BKS: 81U1-044.32 mà bị cáo Nguyễn Hữu U' mượn để đi trộm cắp tài sản, tuy nhiên anh Đ1 không biết, vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ không xử lý anh Đ1 là phù hợp.

[10] Về vật chứng của vụ án:

+ 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RSX, BKS: 82B1- 470.21 đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Lê Văn V. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

+ 01 (một) chiếc điện thoại di Động nhãn hiệu Apple, model Iphone 6, màu bạc, đã qua sử dụng và 01 (một) chiếc điện thoại di Động nhãn hiệu Apple, model Iphone 6, màu vàng đồng, đã qua sử dụng là phương tiện để các bị cáo liên lạc thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ 01 (một) tô vít, 01 (một) khóa T10 và 01 (một) cà lê 10, đều bằng kim loại là công cụ mà các bị cáo sử dụng để thay đổi hình dạng xe mô tô sau khi trộm cắp. Vì vậy, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

+ 01 (một) chiếc que gạt (bật lửa) màu vàng, là công cụ các bị cáo sử dụng để đốt, đấu nối dây điện xe mô tô. Không còn sử dụng được, vì vậy cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Về trách nhiệm dân sự:

Quá trình điều tra, các bị cáo đã tác Động gia đình bồi thường cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn V tiền sửa chữa xe mô tô và tiền để khắc phục hậu quả trong những ngày bị hại và ông Lê Văn V không có phương tiện đi lại, tổng cộng là 5.000.000đ (năm triệu đồng). Bị hại và ông Lê Văn V sau khi nhận được tiền, không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là: bà Mai Thị T, bà Phan Thị Thu H và bà Đỗ Thị Thu L đã bồi thường thay cho các bị cáo, tại phiên tòa bà T, bà H, bà L không có yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền đã bồi thường. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu U' và Trần U' Đ mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, Điều tra V, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát V trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- khoản 1 Điều 173; các Điều 17, 38, 50, 58, 90, 91, 101; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu U'.

- khoản 1 Điều 173; các Điều 17, 38, 50, 54, 57, 58, 90, 91, 101; các điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần U' Đ.

- Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu U' và Trần U' Đ phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C 08 (tám) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án.

+ Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu U' 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, từ ngày 12/8/2021 đến ngày 18/8/2021.

+ Xử phạt: Bị cáo Trần U' Đ 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo vào trại giam chấp hành án, được trừ thời gian tạm giữ, từ ngày 12/8/2021 đến ngày 18/8/2021.

Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

+ 01 (một) chiếc điện thoại di Động nhãn hiệu Apple, model Iphone 6, màu bạc, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) chiếc điện thoại di Động nhãn hiệu Apple, model Iphone 6, màu vàng đồng, đã qua sử dụng;

+ 01 (một) tô vít, 01 (một) khóa T10 và 01 (một) cà lê 10, đều bằng kim loại.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc quẹt ga (bật lửa) màu vàng, không rõ nhãn hiệu, đã qua sử dụng.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 16 tháng 11 năm 2021 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

Về án phí: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Hữu U' và Trần U' Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn C, người bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có

quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 05/01/2022) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng Đ1 hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Các bị cáo;
- Những người TGTG khác;
- TAND tỉnh G;
- THADS;
- Lưu hồ sơ/VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Đặng Anh Việt

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

